TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2026
V/v: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Dũng – Bà Bùi Thị Út
Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại xử án Toà án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1980.Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Khánh Hòa. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2003 là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng có tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2003 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa). Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ sinh sống và làm ăn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2024 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T vay tiền gây nợ bên ngoài với số tiền 140.000.000 đồng nhưng ông không hay biết gì; đến khi về nhà bà T yêu cầu ông phải đưa tiền để trả nợ thì vợ chồng cãi nhau to tiếng, trong lúc tức giận ông có cầm dao dọa bà T thì bà T gọi điện thoại cho các con về can ngăn và gọi Công an mời ông về trụ sở làm việc. Sau đó, bà T đã rời khỏi nhà và mang tất cả quần áo đi cùng. Ông cũng đã nhiều lần tìm cách liên lạc với bà T, được biết có khi bà T làm ăn ở trong Bình Dương, có khi lại đang làm ở công nghiệp Amata Đ. Do bà T nợ tiền của nhiều người vì vậy mỗi khi ông gọi điện thoại bà T sợ chủ nợ đòi tiền nên rất ít nghe máy. Ông đã đến Công an xin địa chỉ nơi ở của bà T thì Công an cung cấp cho ông địa chỉ Nhà trọ Vương Ngọc H, tổ A, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh

nhưng ông đến cũng không gặp được bà T. Vợ chồng đã không sống cùng nhau từ 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Đến thời điểm này, ông cũng không còn tình cảm vợ chồng với bà T; nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Q – sinh ngày 14/12/1999 và Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 11/07/2005. Các con đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng để thực hiện quyền nghĩa vụ của mình và triệu tập hợp lệ, nhưng không tham gia các buổi làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do là không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Lê Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Lê Thị Thu cư T2 tại Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Khánh Hòa; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tụng dân sự, tụng hành chính, pháp người chưa thành niên, sản và giải, đối thoại tại Tòa án. Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn nên có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227,

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/2003 ngày 25/10/2003 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Khánh Hòa), nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bà T gây nợ bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau; vợ chồng đã mạnh ai nấy sống từ hơn 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Việc vợ chồng ông C, bà T xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau phù hợp biên bản xác minh ngày 03/4/2026.

Quá trình tố tụng ông C kiên quyết xin ly hôn; bà T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để ghi nhận ý kiến nhưng đều không chấp hành, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông C; điều này chứng tỏ bà T không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Xét thấy, 02 con chung của ông C bà T đã trưởng thành, có thể lao động tự túc được, ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 147 của Bộ luật tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tụng dân sự, tụng hành chính, pháp người chưa thành niên, sản và giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Các con Nguyễn Văn Q – sinh ngày 14/12/1999 và Nguyễn Văn T1 – sinh ngày 11/07/2005 đã trưởng thành, lao động tự túc được, ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002894 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (*Ông C đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/6/2026), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường Phước Mỹ
(nay là UBND phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa)
(GCNKH số 128/2003 ngày 25/10/2003);
- Lưu HS + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Nguyễn Thanh Thảo